

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA PHƯỜNG KON TUM

(Kèm theo Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1+2
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	2.430.076		2.430.076
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	205.315		205.315
2	Lệ phí trước bạ	21.200		21.200
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.410		2.410
4	Thuế thu nhập cá nhân	48.083		48.083
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	22.222		22.222
6	Thu tiền sử dụng đất	39.500		39.500
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	40.540		40.540
8	Thu tiền cho thuê đất	3.455		3.455
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	0		0
9	Thu khác ngân sách	38.781		38.781
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ... tại xã	0		0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	498.920		498.920
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	400		400
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	1.700		1.700
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	1.196.550		1.196.550
15	Thuế bảo vệ môi trường	229.000		229.000
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	82.000		82.000
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	189.694	6.808	196.502
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	189.694	6.808	196.502
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	11.628	0	11.628
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	11.628	0	11.628
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %			0
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	178.066	6.808	184.874
-	Bổ sung cân đối (*)	171.154	1.910	173.064
-	Bổ sung có mục tiêu	6.913	4.898	11.811
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước			

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trở lên 2,34 trđ

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ NGỌC RẺO

(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1+2
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	89.381		89.381
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	530		530
2	Lệ phí trước bạ	1.766		1.766
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	32		32
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.200		2.200
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	573		573
6	Thu tiền sử dụng đất	5.730		5.730
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	30		30
8	Thu tiền cho thuê đất	1.800		1.800
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	0		0
9	Thu khác ngân sách	620		620
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ... tại xã	0		0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	6.100		6.100
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	0		0
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	0		0
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	0		0
15	Thuế bảo vệ môi trường	70.000		70.000
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0		0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	65.678	4.407	70.085
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	65.678	4.407	70.085
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	437	0	437
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	273	0	273
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	164		164
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	65.241	4.407	69.648
-	Bổ sung cân đối: (*)	63.911	4.407	68.318
-	Bổ sung có mục tiêu	1.330		1.330
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước			

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ NGỌC RỂO

(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1+2
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	1.585		1.585
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	370		370
2	Lệ phí trước bạ	326		326
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0		0
4	Thuế thu nhập cá nhân	207		207
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	97		97
6	Thu tiền sử dụng đất	130		130
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	0		0
8	Thu tiền cho thuê đất	300		300
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	0		0
9	Thu khác ngân sách	125		125
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ...tại xã	0		0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	30		30
12	Thu từ DN có vốn DTNN	0		0
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	0		0
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	0		0
15	Thuế bảo vệ môi trường	0		0
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0		0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	62.147	-3.620	58.527
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	62.147	-3.620	58.527
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	137	0	137
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	69	0	69
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	68		68
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	62.010	-3.620	58.390
-	Bổ sung cân đối (*)	60.746	-3.620	57.126
-	Bổ sung có mục tiêu	1.264		1.264
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước			

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ NGỌC RỂO

(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1+2
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	1.257		1.257
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	220		220
2	Lệ phí trước bạ	400		400
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0		0
4	Thuế thu nhập cá nhân	450		450
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	82		82
6	Thu tiền sử dụng đất	70		70
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	0		0
8	Thu tiền cho thuê đất	0		0
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	0		0
9	Thu khác ngân sách	35		35
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ... tại xã	0		0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	0		0
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	0		0
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	0		0
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	0		0
15	Thuế bảo vệ môi trường	0		0
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0		0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	61.978	881	62.859
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	61.978	881	62.859
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	137	0	137
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	57	0	57
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	80		80
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	61.841	881	62.722
-	Bổ sung cân đối (*)	60.807	881	61.688
-	Bổ sung có mục tiêu	1.035		1.035
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước			

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ NGỌC RẪO

(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1+2
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	32.081		32.081
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	9.590		9.590
2	Lệ phí trước bạ	5.850		5.850
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	147		147
4	Thuế thu nhập cá nhân	5.566		5.566
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	2.350		2.350
6	Thu tiền sử dụng đất	3.400		3.400
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	350		350
8	Thu tiền cho thuê đất	1.200		1.200
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	0		0
9	Thu khác ngân sách	3.068		3.068
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ... tại xã	0		0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	560		560
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	0		0
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	0		0
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	0		0
15	Thuế bảo vệ môi trường	0		0
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0		0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	116.451	-1.081	115.370
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	116.451	-1.081	115.370
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	1.221	0	1.221
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	930	0	930
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	291		291
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	115.230	-1.081	114.149
-	Bổ sung cân đối (*)	112.679	-1.081	111.598
-	Bổ sung có mục tiêu	2.551		2.551
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách, nhà nước			

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ NGỌC TỰ

(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025	Số điều chỉnh	Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh
A	B	1	2	3
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	11.733		11.733
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	10.117		10.117
2	Lệ phí trước bạ	95		95
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			
4	Thuế thu nhập cá nhân	524		524
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	144		144
6	Thu tiền sử dụng đất	15		15
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	750		750
8	Thu tiền cho thuê đất	10		10
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước			
9	Thu khác ngân sách	78		78
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ... tại xã			
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh			
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN			
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế			
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao			
15	Thuế bảo vệ môi trường			
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết			
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	72.370	-8.796	63.574
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	72.370	-8.796	63.574
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	103		103
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	51		51
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	52		52
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	72.267	-8.796	63.471
-	Bổ sung cân đối (*)	66.625	-8.617	58.008
-	Bổ sung có mục tiêu	5.642	-179	5.463
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước			

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ ĐẮK TÔ

(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Số điều chỉnh	Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh
A	B	1	2	3
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	133.733		133.733
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	84.303		84.303
2	Lệ phí trước bạ	5.246		5.246
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	97		97
4	Thuế thu nhập cá nhân	3.486		3.486
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	1.891		1.891
6	Thu tiền sử dụng đất	14.950		14.950
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	800		800
8	Thu tiền cho thuê đất	1.053		1.053
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước			
9	Thu khác ngân sách	2.857		2.857
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ...tại xã			
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	2.150		2.150
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN			
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	900		900
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao			
15	Thuế bảo vệ môi trường	16.000		16.000
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết			
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	148.324	940	149.264
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	148.324	940	149.264
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	2.491		2.491
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	746		746
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	1.745		1.745
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	145.833	940	146.773
-	Bổ sung cân đối (*)	134.653	723	135.376
-	Bổ sung có mục tiêu	11.180	217	11.397
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước			

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trở lên 2,34 trở

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ KON ĐÀO
(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Số điều chỉnh	Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh
A	B	1	2	3
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	2.634		2.634
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.080		1.080
2	Lệ phí trước bạ	59		59
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3		3
4	Thuế thu nhập cá nhân	390		390
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	125		125
6	Thu tiền sử dụng đất	35		35
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	100		100
8	Thu tiền cho thuê đất	737		737
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	0		0
9	Thu khác ngân sách	105		105
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ... tại xã	0		0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	0		0
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	0		0
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	0		0
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	0		0
15	Thuế bảo vệ môi trường	0		0
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0		0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	80.489	8.051	88.540
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)-(b)	80.489	8.051	88.540
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	218	0	218
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	144	0	144
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	74	0	74
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	80.271	8.051	88.322
-	Bổ sung cân đối (*)	73.660	7.469	81.129
-	Bổ sung có mục tiêu	6.612	582	7.194
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước			0

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trở lên 2,34 trđ

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ ĐẮK SAO
(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán giao tại Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025	Số điều chỉnh	Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh
A	B	1	2	3
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	689		689
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	204		204
2	Lệ phí trước bạ	120		120
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0		0
4	Thuế thu nhập cá nhân	50		50
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	45		45
6	Thu tiền sử dụng đất	0		0
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	0		0
8	Thu tiền cho thuê đất	50		50
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	0		0
9	Thu khác ngân sách	220		220
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ... tại xã	0		0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	0		0
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	0		0
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	0		0
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	0		0
15	Thuế bảo vệ môi trường	0		0
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0		0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	50.145	2.685	52.830
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	50.145	2.685	52.830
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	41	0	41
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	41	0	41
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	0	0	
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	50.104	2.685	52.789
-	Bổ sung cân đối (*)	48.462	2.685	51.147
-	Bổ sung có mục tiêu	1.642	0	1.642
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước		0	0

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ ĐẮK TỜ KAN
(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán giao tại Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 18/7/2025	Số điều chỉnh	Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh
A	B	1	2	3
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	904		904
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	424		424
2	Lệ phí trước bạ	120		120
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0		0
4	Thuế thu nhập cá nhân	25		25
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	65		65
6	Thu tiền sử dụng đất	0		0
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	0		0
8	Thu tiền cho thuê đất	50		50
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	0		0
9	Thu khác ngân sách	220		220
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ... tại xã	0		0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	0		0
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	0		0
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	0		0
14	Tặng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	0		0
15	Thuế bảo vệ môi trường	0		0
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0		0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	58.054	3.883	61.937
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	58.054	3.883	61.937
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	44	0	44
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	44	0	44
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	0	0	0
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	58.010	3.883	61.893
-	Bổ sung cân đối (*)	56.783	3.883	60.666
-	Bổ sung có mục tiêu	1.227	0	1.227
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước		0	0

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ TƯ MƠ RỒNG
(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán giao tại Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 18/7/2025	Số điều chỉnh	Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh
A	B	1	2	3
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	45.912		45.912
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	37.361		37.361
2	Lệ phí trước bạ	640		640
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0		0
4	Thuế thu nhập cá nhân	645		645
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	246		246
6	Thu tiền sử dụng đất	100		100
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	5.350		5.350
8	Thu tiền cho thuê đất	200		200
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	0		0
9	Thu khác ngân sách	770		770
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ... tại xã	0		0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	600		500
12	Thu từ DN có vốn ĐTN	0		0
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	0		0
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	0		0
15	Thuế bảo vệ môi trường	0		0
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0		0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	62.073	3.322	65.395
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)-(b)	62.073	3.322	65.395
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	118	0	118
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	108	0	108
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	10	0	10
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	61.955	3.322	65.277
-	Bổ sung cân đối (*)	60.743	3.322	64.065
-	Bổ sung có mục tiêu	1.212	0	1.212
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước		0	0

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ MĂNG RI
(Kèm theo Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 12/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán giao tại Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025	Số điều chỉnh	Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh
A	B	1	2	3
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	12.395		12.395
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	9.611		9.611
2	Lệ phí trước bạ	120		120
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0		0
4	Thuế thu nhập cá nhân	170		170
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	94		94
6	Thu tiền sử dụng đất	0		0
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	2.010		2.010
8	Thu tiền cho thuê đất	100		100
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	0		0
9	Thu khác ngân sách	290		290
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ... tại xã	0		0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	0		0
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	0		0
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	0		0
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	0		0
15	Thuế bảo vệ môi trường	0		0
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0		0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	87.337	2.766	90.103
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	87.337	2.766	90.103
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	87	0	87
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	87	0	87
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	0	0	0
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	87.250	2.766	90.016
-	Bổ sung cân đối (*)	83.926	2.766	86.692
-	Bổ sung có mục tiêu	3.324	0	3.324
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước		0	0

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ BỜ Y
(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán giao tại Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025	Số điều chỉnh	Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh
A	B	1	2	3
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	417.707	0	417.707
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	29.975	0	29.975
2	Lệ phí trước bạ	6.136	0	6.136
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	147	0	147
4	Thuế thu nhập cá nhân	4.980	0	4.980
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	22.244	0	22.244
6	Thu tiền sử dụng đất	24.450	0	24.450
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	900	0	900
8	Thu tiền cho thuê đất	1.530	0	1.530
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	0	0	0
9	Thu khác ngân sách	5.270	0	5.270
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ... tại xã	0	0	0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	2.075	0	2.075
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	0	0	0
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	0	0	0
14	Tặng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	0	0	0
15	Thuế bảo vệ môi trường	0	0	0
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0	0	0
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	320.000	0	320.000
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	130.934	1.341	132.276
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	130.934	1.341	132.276
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	4.067	0	4.067
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	0	0	0
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	4.067	0	4.067
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	126.867	1.341	128.209
-	Bổ sung cân đối (*)	118.954	1.341	120.295
-	Bổ sung có mục tiêu	7.913	0	7.913
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước			

Chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ SA LOONG
(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán giao tại Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025	Số điều chỉnh	Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh
A	B	1	2	3
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	11.810	0	11.810
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	175	0	175
2	Lệ phí trước bạ	878	0	878
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	8	0	8
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.150	0	2.150
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	93	0	93
6	Thu tiền sử dụng đất	250	0	250
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	0	0	0
8	Thu tiền cho thuê đất	800	0	800
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	0	0	0
9	Thu khác ngân sách	150	0	150
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ... tại xã	0	0	0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	7.306	0	7.306
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	0	0	0
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	0	0	0
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quý đất so với dự toán Trung ương giao	0	0	0
15	Thuế bảo vệ môi trường	0	0	0
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0	0	0
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	0	0	0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	48.853	316	49.169
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	48.853	316	49.169
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	279	0	279
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	0	0	0
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	279	0	279
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	48.574	316	48.890
-	Bổ sung cân đối (*)	44.763	316	45.079
-	Bổ sung có mục tiêu	3.811	0	3.811
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước:			

Chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTI, từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ DỤC NÔNG
(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán giao tại Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025	Số điều chỉnh	Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh
A	B	1	2	3
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	57.062	0	57.062
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	53.850	0	53.850
2	Lệ phí trước bạ	486	0	486
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	15	0	15
4	Thuế thu nhập cá nhân	370	0	370
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	1.242	0	1.242
6	Thu tiền sử dụng đất	300	0	300
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	600	0	600
8	Thu tiền cho thuê đất	0	0	0
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	0	0	0
9	Thu khác ngân sách	180	0	180
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ... tại xã	0	0	0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	19	0	19
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	0	0	0
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	0	0	0
14	Tặng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	0	0	0
15	Thuế bảo vệ môi trường	0	0	0
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0	0	0
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	0	0	0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	81.846	(1.591)	80.255
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	81.846	(1.591)	80.255
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	177	0	177
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	0	0	0
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	177	0	177
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	81.669	(1.591)	80.078
-	Bổ sung cân đối (*)	73.061	(1.591)	71.470
-	Bổ sung có mục tiêu	8.608	0	8.608
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước			

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ XÓP
(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán giao tại Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025	Số điều chỉnh	Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh
A	B	1	2	3
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	2.670	0	2.670
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.980	0	1.980
2	Lệ phí trước bạ	70	0	70
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0	0	0
4	Thuế thu nhập cá nhân	180	0	180
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	110	0	110
6	Thu tiền sử dụng đất	0	0	0
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	0	0	0
8	Thu tiền cho thuê đất	20	0	20
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	0	0	0
9	Thu khác ngân sách	150	0	150
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ... tại xã	0	0	0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	160	0	160
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	0	0	0
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	0	0	0
14	Tặng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	0	0	0
15	Thuế bảo vệ môi trường	0	0	0
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0	0	0
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	0	0	0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	36.985	8.395	45.380
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	36.985	8.395	45.380
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	330	0	330
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	0	0	0
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	330	0	330
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	36.655	8.395	45.050
-	Bổ sung cân đối (*)	36.124	8.142	44.266
-	Bổ sung cơ mục tiêu	531	253	784
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước			0

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ NGỌC LINH
(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán giao tại Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025	Số điều chỉnh	Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh
A	B	1	2	3
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	90	0	90
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	0	0	0
2	Lệ phí trước bạ	20	0	20
3	Thu sử dụng đất phi nông nghiệp	0	0	0
4	Thu thu nhập cá nhân	0	0	0
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	20	0	20
6	Thu tiền sử dụng đất	0	0	0
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	0	0	0
8	Thu tiền cho thuê đất	0	0	0
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	0	0	0
9	Thu khác ngân sách	50	0	50
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích... tại xã	0	0	0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	0	0	0
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	0	0	0
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	0	0	0
14	Tặng thu từ các dự án khai thác quỹ đất số với dự toán Trung ương giao	0	0	0
15	Thuế bảo vệ môi trường	0	0	0
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0	0	0
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	0	0	0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	44.493	9.873	54.367
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	44.493	9.873	54.367
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	90	0	90
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	0	0	0
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	90	0	90
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	44.403	9.873	54.277
-	Bổ sung cân đối (*)	43.641	8.675	52.316
-	Bổ sung có mục tiêu	762	1.198	1.960
2	Thu để tài chi quản lý qua ngân sách nhà nước			0

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 tỷ lên 2,34 tỷ

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ ĐẮK PLÔ
(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán giao tại Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025	Số điều chỉnh	Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh
A	B	1	2	3
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	6.610	0	6.610
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	4.645	0	4.645
2	Lệ phí trước bạ	60	0	60
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0	0	0
4	Thuế thu nhập cá nhân	810	0	810
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	30	0	30
6	Thu tiền sử dụng đất	0	0	0
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	0	0	0
8	Thu tiền cho thuê đất	20	0	20
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	0	0	0
9	Thu khác ngân sách	170	0	170
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ... tại xã	0	0	0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	875	0	875
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	0	0	0
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	0	0	0
14	Tặng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	0	0	0
15	Thuế bảo vệ môi trường	0	0	0
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0	0	0
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	0	0	0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	47.835	12.521	60.357
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	47.835	12.521	60.357
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	260	0	260
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	0	0	0
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	260	0	260
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	47.575	12.521	60.097
-	Bổ sung cân đối (*)	47.028	12.088	59.116
-	Bổ sung có mục tiêu	547	433	980
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước			0

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 tỷ lên 2,34 tỷ

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ ĐẮK PÉK
(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán giao tại Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 19/7/2025	Số điều chỉnh	Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh
A	B	I	2	3
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	14.146	0	14.146
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	4.645	0	4.645
2	Lệ phí trước bạ	1.700	0	1.700
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	36	0	36
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.320	0	1.320
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	1.600	0	1.600
6	Thu tiền sử dụng đất	1.000	0	1.000
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	690	0	690
8	Thu tiền cho thuê đất	190	0	190
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	0	0	0
9	Thu khác ngân sách	1.430	0	1.430
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ... tại xã	0	0	0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	1.235	0	1.235
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	300	0	300
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	0	0	0
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	0	0	0
15	Thuế bảo vệ môi trường	0	0	0
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0	0	0
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	0	0	0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	72.577	15.752	88.329
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	72.577	15.752	88.329
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	4.866	0	4.866
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	0	0	0
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	4.866	0	4.866
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	67.711	15.752	83.463
-	Bổ sung cân đối (*)	67.173	15.079	82.252
-	Bổ sung có mục tiêu	538	673	1.211
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước			0

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trở lên 2,34 trđ

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ ĐẮK MÔN
(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán giao tại Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 18/7/2025	Số điều chỉnh	Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh
A	B	1	2	3
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	2.524	0	2.524
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.770	0	1.770
2	Lệ phí trước bạ	100	0	100
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4	0	4
4	Thuế thu nhập cá nhân	60	0	60
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	240	0	240
6	Thu tiền sử dụng đất	0	0	0
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	0	0	0
8	Thu tiền cho thuê đất	50	0	50
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	0	0	0
9	Thu khác ngân sách	250	0	250
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ... tại xã	0	0	0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	50	0	50
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	0	0	0
13	Thu có tức, lợi nhuận sau thuế	0	0	0
14	Tặng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	0	0	0
15	Thuế bảo vệ môi trường	0	0	0
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0	0	0
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	0	0	0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	45.372	10.754	56.126
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	45.372	10.754	56.126
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	594	0	594
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	0	0	0
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	594	0	594
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	44.778	10.754	55.532
-	Bổ sung cân đối (*)	44.317	10.083	54.400
-	Bổ sung có mục tiêu	461	671	1.132
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước			0

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ SA THẦY
(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1+2
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	55.636		55.636
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	38.950		38.950
2	Lệ phí trước bạ	3.130		3.130
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	51		51
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.050		2.050
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	1.417		1.417
6	Thu tiền sử dụng đất	7.190		7.190
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	80		80
8	Thu tiền cho thuê đất	105		105
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	0		-
9	Thu khác ngân sách	2.050		2.050
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ... tại xã	0		-
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	613		613
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	0		-
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	0		-
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	0		-
15	Thuế bảo vệ môi trường	0		-
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0		-
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	0		-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	83.876	(440)	83.436
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	83.876	(440)	83.436
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	1.422		1.422
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	1.422		1.422
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	0		-
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	82.454	(440)	82.014
-	Bổ sung cân đối (*)	77.699	(440)	77.259
-	Bổ sung có mục tiêu	4.755		4.755
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước			

Ghi chú: (*) Đã hao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ SA BÌNH
(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1+2
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	36.074		36.074
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	32.062		32.062
2	Lệ phí trước bạ	795		795
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4		4
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.630		1.630
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	60		60
6	Thu tiền sử dụng đất	1.350		1.350
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	60		60
8	Thu tiền cho thuê đất	100		100
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	0		0
9	Thu khác ngân sách	0		0
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ... tại xã	0		0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	13		13
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	0		0
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	0		0
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	0		0
15	Thuế bảo vệ môi trường	0		0
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0		0
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	0		0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	74.418	7.026	81.444
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	74.418	7.026	81.444
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	414		414
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	414		414
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	0		0
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	74.004	7.026	81.030
-	Bổ sung cân đối (*)	66.143	14.014	80.157
-	Bổ sung có mục tiêu	7.861	(6.988)	873
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước			-

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ YA LY
(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1+2
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	3.466		3.466
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	430		430
2	Lệ phí trước bạ	385		385
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5		5
4	Thuế thu nhập cá nhân	300		300
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	27		27
6	Thu tiền sử dụng đất	310		310
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	0		0
8	Thu tiền cho thuê đất	0		0
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	0		0
9	Thu khác ngân sách	0		0
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ... tại xã	0		0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	2.009		2.009
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	0		0
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	0		0
14	Tặng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	0		0
15	Thuế bảo vệ môi trường	0		0
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0		0
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	0		0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	62.336	3.824	66.160
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	62.336	3.824	66.160
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	128		128
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	128		128
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	0		0
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	62.208	3.824	66.032
-	Bổ sung cân đối (*)	56.553	8.223	64.776
-	Bổ sung có mục tiêu	5.655	(4.399)	1.256
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước			-

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 tỷ lên 2,34 tỷ

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ IA TÔI
(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1+2
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	94.233		94.233
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	33.177		33.177
2	Lệ phí trước bạ	935		935
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0		0
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.243		1.243
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	705		705
6	Thu tiền sử dụng đất	5.000		5.000
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	5.880		5.880
8	Thu tiền cho thuê đất	2.200		2.200
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	0		0
9	Thu khác ngân sách	1.094		1.094
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ... tại xã	0		0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	44.000		44.000
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	0		0
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	0		0
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	0		0
15	Thuế bảo vệ môi trường	0		0
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0		0
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	0		0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	77.819	0	77.819
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	77.819	0	77.819
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	723		723
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	0		0
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	723		723
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	77.096	0	77.096
-	Bổ sung cân đối (*)	68.518		68.518
-	Bổ sung có mục tiêu	8.578		8.578
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước			-

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ ĐẮK KỠI
(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Số điều chỉnh	Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh
A	B	1	2	3
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	46.881		46.881
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	44.570		44.570
2	Lệ phí trước bạ	62		62
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0		0
4	Thuế thu nhập cá nhân	510		510
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	39		39
6	Thu tiền sử dụng đất	0		0
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	1.450		1.450
8	Thu tiền cho thuê đất	220		220
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	0		0
9	Thu khác ngân sách	30		30
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ... tại xã	0		0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	0		0
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	0		0
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	0		0
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	0		0
15	Thuế bảo vệ môi trường	0		0
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0		0
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	0		0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	52.223	128	52.351
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	52.223	128	52.351
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	10	0	10
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	0	10	10
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	10	-10	0
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	52.213	128	52.341
-	Bổ sung cân đối (*)	48.800	128	48.928
-	Bổ sung có mục tiêu	3.413	0	3.413
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước			0

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ KON BRAIH
(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Số điều chỉnh	Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh
A	B	1	2	3
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	34.065		34.065
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	27.725		27.725
2	Lệ phí trước bạ	1.650		1.650
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	35		35
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.025		1.025
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	732		732
6	Thu tiền sử dụng đất	200		200
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	700		700
8	Thu tiền cho thuê đất	318		318
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	0		0
9	Thu khác ngân sách	280		280
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ... tại xã	0		0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	1.400		1.400
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	0		0
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	0		0
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	0		0
15	Thuế bảo vệ môi trường	0		0
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0		0
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	0		0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	97.247	860	98.107
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	97.247	860	98.107
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	210	0	210
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	0	210	210
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	210	-210	0
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	97.037	860	97.897
-	Bổ sung cân đối (*)	93.012	415	93.427
-	Bổ sung có mục tiêu	4.025	445	4.470
2	Thu để lại chỉ quản lý qua ngân sách nhà nước			0

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trở lên 2,34 trđ

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ ĐẮK RVE
(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Số điều chỉnh	Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh
A	B	1	2	3
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	6.254		6.254
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	2.705		2.705
2	Lệ phí trước bạ	488		488
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	15		15
4	Thuế thu nhập cá nhân	165		165
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	179		179
6	Thu tiền sử dụng đất	200		200
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	1.000		1.000
8	Thu tiền cho thuê đất	112		112
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	0		0
9	Thu khác ngân sách	1.390		1.390
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ...tại xã	0		0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	0		0
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	0		0
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	0		0
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	0		0
15	Thuế bảo vệ môi trường	0		0
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0		0
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	0		0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	60.519	151	60.670
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	60.519	151	60.670
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	92	0	92
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	0	92	92
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	92	-92	0
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	60.427	151	60.578
-	Bổ sung cân đối (*)	57.331	151	57.482
-	Bổ sung có mục tiêu	3.096	0	3.096
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước			0

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ MĂNG ĐEN

(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1+2
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	223.147		223.147
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	37.908		37.908
2	Lệ phí trước bạ	4.100		4.100
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100		100
4	Thuế thu nhập cá nhân	5.940		5.940
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	1.574		1.574
6	Thu tiền sử dụng đất	120.000		120.000
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	3.500		3.500
8	Thu tiền cho thuê đất	1.565		1.565
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	0		0
9	Thu khác ngân sách	3.050		3.050
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ... tại xã	0		0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	43.910		43.910
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	300		300
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	1.200		1.200
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	0		0
15	Thuế bảo vệ môi trường	0		0
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0		0
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	0		0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	108.203		107.709
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	108.203	-494	107.709
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	6.982	0	6.982
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	6.982		6.982
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	0		0
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	101.221	-494	100.727
-	Bổ sung cân đối (*)	96.034	-494	95.540
-	Bổ sung có mục tiêu	5.187		5.187
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước			

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ MĂNG BÚT

(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1+2
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	5.250		5.250
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	4.250		4.250
2	Lệ phí trước bạ	150		150
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0		0
4	Thuế thu nhập cá nhân	60		60
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	33		33
6	Thu tiền sử dụng đất	0		0
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	727		727
8	Thu tiền cho thuê đất	30		30
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	0		0
9	Thu khác ngân sách	0		0
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ... tại xã	0		0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	0		0
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	0		0
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	0		0
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	0		0
15	Thuế bảo vệ môi trường	0		0
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0		0
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	0		0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	92.850		91.473
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	92.850	-1.377	91.473
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	103	0	103
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	103		103
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	0		0
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	92.747	-1.377	91.370
-	Bổ sung cân đối (*)	86.024	-1.377	84.647
-	Bổ sung có mục tiêu	6.723		6.723
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước			

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ KON PLÔNG

(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1+2
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	310.803		310.803
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	293.842		293.842
2	Lệ phí trước bạ	150		150
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0		0
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.500		2.500
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	143		143
6	Thu tiền sử dụng đất	0		0
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	13.923		13.923
8	Thu tiền cho thuê đất	5		5
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	0		0
9	Thu khác ngân sách	50		50
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ... tại xã	0		0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	190		190
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	0		0
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	0		0
14	Tặng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	0		0
15	Thuế bảo vệ môi trường	0		0
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0		0
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	0		0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	86.611		88.971
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	86.611	2.360	88.971
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	105	0	105
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	105		105
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	0		0
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	86.506	2.360	88.866
-	Bổ sung cân đối (*)	77.987	2.360	80.347
-	Bổ sung có mục tiêu	8.519		8.519
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước			

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTI. từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ ĐẮK LONG
(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán giao tại Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025	Số điều chỉnh	Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh
A	B	1	2	3
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	460	0	460
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	160	0	160
2	Lệ phí trước bạ	50	0	50
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0	0	0
4	Thuế thu nhập cá nhân	30	0	30
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	60	0	60
6	Thu tiền sử dụng đất	0	0	0
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	0	0	0
8	Thu tiền cho thuê đất	0	0	0
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	0	0	0
9	Thu khác ngân sách	150	0	150
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ... tại xã	0	0	0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	10	0	10
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	0	0	0
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	0	0	0
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	0	0	0
15	Thuế bảo vệ môi trường	0	0	0
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0	0	0
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	0	0	0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	41.021	7.612	48.633
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	41.021	7.612	48.633
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	260	0	260
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	0	0	0
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	260	0	260
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	40.761	7.612	48.373
-	Bổ sung cân đối (*)	40.657	7.159	47.816
-	Bổ sung có mục tiêu	104	453	557
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước			0

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ RỜ KƠI
(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1+2
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	14.127		14.127
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	13.188		13.188
2	Lệ phí trước bạ	390		390
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0		-
4	Thuế thu nhập cá nhân	250		250
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	25		25
6	Thu tiền sử dụng đất	150		150
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	0		-
8	Thu tiền cho thuê đất	120		120
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	0		-
9	Thu khác ngân sách	0		-
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ... tại xã	0		-
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	4		4
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	0		-
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	0		-
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	0		-
15	Thuế bảo vệ môi trường	0		-
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0		-
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	0		-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	40.707	1.463	42.170
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	40.707	1.463	42.170
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	90		90
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	90		90
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	0		-
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	40.617	1.463	42.080
-	Bổ sung cân đối (*)	35.209	6.299	41.508
-	Bổ sung có mục tiêu	5.408	(4.836)	572
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước			-

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ MỎ RAI
(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1+2
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	20.097		20.097
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	50		50
2	Lệ phí trước bạ	300		300
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0		0
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.000		1.000
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	31		31
6	Thu tiền sử dụng đất	5.000		5.000
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	20		20
8	Thu tiền cho thuê đất	3.935		3.935
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	0		0
9	Thu khác ngân sách	0		0
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ... tại xã	0		0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	9.761		9.761
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	0		0
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	0		0
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	0		0
15	Thuế bảo vệ môi trường	0		0
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0		0
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	0		0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	44.289	-158	44.131
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	44.289	-158	44.131
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	601		601
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	601		601
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	0		0
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	43.688	-158	43.530
-	Bổ sung cân đối (*)	36.723	642	37.365
-	Bổ sung có mục tiêu	6.965	(800)	6.165
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước			-

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ IA ĐAL

(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1+2
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	1.568		1.568
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.323		1.323
2	Lệ phí trước bạ	66		66
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0		0
4	Thuế thu nhập cá nhân	58		58
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	55		55
6	Thu tiền sử dụng đất	0		0
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	60		60
8	Thu tiền cho thuê đất	0		0
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	0		0
9	Thu khác ngân sách	7		7
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ... tại xã	0		0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	0		0
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	0		0
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	0		0
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	0		0
15	Thuế bảo vệ môi trường	0		0
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0		0
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	0		0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	36.547	116	36.663
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	36.547	116	36.663
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	28		28
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	0		0
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	28		28
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	36.519	116	36.635
-	Bổ sung cân đối (*)	32.357	116	32.473
-	Bổ sung có mục tiêu	4.162		4.162
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước			-

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ